

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp
tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 25/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

Căn cứ Quyết định số 23/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 240/TTr-STNMT ngày 14 tháng 7 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển tổ chức triển khai thực hiện nội dung Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:^{nk}

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam (báo cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (để giám sát);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- PCVP Tổng hợp;
- Trung tâm CB-TH (đăng công báo);
- Lưu: VT, (TA051).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thanh Dũng

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

(Kèm theo Quyết định số: 14 /2014/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định mục đích, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các Sở, Ban, Ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Mục đích phối hợp

1. Thiết lập cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các Sở, Ban, Ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

2. Nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các Sở, Ban, Ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển; tăng cường hiệu quả công tác trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh.

3. Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, bảo đảm phát triển bền vững.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm sự quản lý thống nhất, đồng bộ và hiệu quả giữa các Sở, Ban, Ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển; có sự phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc chủ trì, phối hợp thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh.

2. Việc thực hiện các nhiệm vụ phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tuân thủ các quy định của Quy chế này, các quy định của pháp luật có liên quan và các nội dung phối hợp khác trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển theo quy định của pháp luật.

3. Việc thực hiện các nhiệm vụ phối hợp phải bảo đảm bí mật quốc gia, bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật; bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển.

4. Không cản trở các hoạt động khai thác, sử dụng hợp pháp tài nguyên biển và các hoạt động hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân trên vùng biển của tỉnh Bạc Liêu.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh:

a) Lập dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm và dài hạn; tổ chức triển khai, thực hiện sau khi được phê duyệt.

b) Tổ chức rà soát, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

c) Theo dõi việc thực thi pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

2. Lập và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh:

a) Điều tra, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; hiện trạng, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

b) Xây dựng, tổ chức lấy ý kiến, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quản lý thống nhất hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển:

a) Lập và tổ chức thực hiện, quy hoạch, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển.

b) Quản lý việc thực hiện chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển.

c) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển tỉnh Bạc Liêu.

4. Phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển trên địa bàn tỉnh:

a) Nghiên cứu, điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xác định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, xử lý, khắc phục hậu quả ô nhiễm, suy thoái môi trường, phục hồi, cải thiện chất lượng môi trường biển; ứng phó sự cố môi trường, thiên tai trên vùng biển, ven biển tỉnh Bạc Liêu.

c) Theo dõi, giám sát và cảnh báo sự cố môi trường, thiên tai trên vùng biển, ven biển tỉnh Bạc Liêu.

d) Quan trắc biến động, đánh giá hiện trạng và dự báo xu thế biến động bờ biển.

5. Tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển:

a) Tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về quản lý tổng hợp, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; hướng dẫn cách phòng tránh thiên tai, tai nạn tàu cá khi tham gia khai thác hải sản trên biển.

b) Tổ chức tuyên truyền Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam hàng năm trên địa bàn tỉnh.

6. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển:

a) Điều tra, nghiên cứu tài nguyên và môi trường biển; ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ công tác điều tra, nghiên cứu biển.

b) Xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường biển, ứng phó sự cố tràn dầu, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN

Điều 5. Xây dựng, thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì:

a) Lập dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm và dài hạn trên địa bàn tỉnh, tổ chức triển khai, thực hiện chương trình sau khi được phê duyệt.

b) Rà soát, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; theo dõi việc thực thi pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; theo dõi việc thực thi pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

3. Các Sở, Ban, Ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm:

a) Tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh.

b) Đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển chịu trách nhiệm:

a) Đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển hàng năm và dài hạn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

b) Rà soát, tổng kết và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 6. Lập và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển:

a) Điều tra, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

b) Xây dựng, hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên phạm vi toàn tỉnh.

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện, quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

2. Các Sở, Ban, Ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tham gia ý kiến về dự thảo quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trong lĩnh vực được giao quản lý gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu tổng hợp về bảo tồn đa dạng sinh học biển, rừng phòng hộ; thông tin, số liệu trong lĩnh vực thủy sản; thực trạng và định hướng phát triển đê biển, hệ thống cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền.

b) Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý hàng hải chuyên ngành Giao thông vận tải (*thuộc Bộ Giao thông vận tải*) cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng và định hướng phát triển hệ thống cảng biển, luồng tuyến đường thủy nội địa kết nối hàng hải, các công trình giao thông bộ kết nối công trình giao thông hàng hải và các cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng, định hướng phát triển khu kinh tế biển, ven biển và các thông tin, số liệu liên quan khác theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

d) Sở Xây dựng chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng và định hướng phát triển các khu đô thị, các công trình xây dựng ven biển thuộc phạm vi quản lý.

đ) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng và định hướng phát triển các khu du lịch, điểm du lịch biển; thông tin, số liệu về bảo vệ, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản thiên nhiên quốc gia và thế giới, các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh của vùng biển, ven biển trên địa bàn tỉnh.

e) Sở Công Thương chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về dầu khí, khoáng sản, các khu vực đầu tư lưới điện vùng ven biển.

g) Sở Ngoại vụ chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, tài liệu về chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong hoạt động đối ngoại liên quan đến việc quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

h) Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về tình hình an ninh, các hoạt động của tàu, thuyền trong nước và nước ngoài trên vùng biển Bạc Liêu; vùng cấm khai thác, khu vực hạn chế hoạt động, các khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển chịu trách nhiệm cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường như sau:

a) Thông tin, số liệu về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, tình hình quản lý, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng biển thuộc phạm vi quản lý.

b) Thông tin, số liệu khu vực đầm, bãi bồi, vùng đệm, vùng bờ biển xói lở, rừng phòng hộ, đất ngập nước, khu vực cần bảo tồn hệ sinh thái vùng biển thuộc phạm vi quản lý.

c) Định hướng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển.

d) Các giải pháp quản lý, bảo vệ bờ biển.

đ) Tham gia ý kiến về dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

e) Báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển thuộc phạm vi quản lý gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quản lý hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm:

a) Chủ trì lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển theo quy định của pháp luật.

b) Xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển.

c) Cung cấp các thông tin, số liệu về điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển cho các Sở, Ban, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

d) Thẩm định, tham gia thẩm định các chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên biển của các Sở, Ban, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển theo quy định của pháp luật.

đ) Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển.

2. Các Sở, Ban, Ngành, các cơ quan, tổ chức khác, theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định các chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và bảo vệ môi trường biển thuộc lĩnh vực được giao quản lý; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên biển do mình quản lý; xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về kết quả điều tra cơ bản tài nguyên biển do mình quản lý, thực hiện chuyển giao về cơ sở dữ liệu cho cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp biển để quản lý, đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật; báo cáo định kỳ hàng năm cho Sở Tài nguyên và Môi trường về hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên biển trong lĩnh vực được giao quản lý:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên sinh vật biển, các hệ sinh thái biển, ven biển.

b) Sở Công Thương chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản khoáng sản, dầu khí, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên dầu khí, khoáng sản.

c) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản di tích lịch sử văn hóa, các khu du lịch, điểm du lịch và cảnh quan sinh thái biển.

d) Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý hàng hải chuyên ngành Giao thông vận tải (*thuộc Bộ Giao thông vận tải*) cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên vị thế phục vụ cho phát triển hệ thống cảng biển, luồng tuyến đường thủy nội địa kết nối hàng hải, các công trình giao lộ kết nối công trình giao thông hàng hải và các cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển.

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về định hướng phát triển kinh tế biển gắn với nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển; các thông tin, số liệu thống kê khác có liên quan.

e) Sở Ngoại vụ chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, tài liệu về chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong hoạt động đối ngoại liên quan đến việc quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

g) Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về tình hình an ninh, trật tự, an toàn trên biển.

h) Các cơ quan, tổ chức khác chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển bằng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước có trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển do mình thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển chịu trách nhiệm:

a) Cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản về tài nguyên vùng ven biển do địa bàn mình thực hiện; thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường vùng ven biển.

b) Báo cáo định kỳ hàng năm về công tác điều tra cơ bản tài nguyên biển do địa bàn thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó, khắc phục các sự cố môi trường, thiên tai trên biển

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì:

a) Tổ chức nghiên cứu, điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xây dựng bản đồ hiện trạng ô nhiễm môi trường biển trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Tổ chức đánh giá hiện trạng và dự báo xu thế biến động; xác định nguyên nhân gây ô nhiễm; xác định, khoanh vùng đệm để bảo vệ các vùng bờ biển dễ bị tổn thương.

c) Xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc, giám sát môi trường, cảnh báo thiên tai trên biển.

d) Tổ chức hoạt động theo dõi, giám sát và cảnh báo sự cố môi trường, thiên tai trên biển; xây dựng kế hoạch hành động thích ứng với mực nước biển dâng; phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển ứng phó kịp thời và khắc phục có hiệu quả các sự cố môi trường, thiên tai trên biển.

đ) Cung cấp các thông tin thu thập được từ hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường, cảnh báo thiên tai trên biển cho các Sở, Ban, Ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển phục vụ công tác phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó khắc phục các sự cố môi trường, thiên tai trên biển.

e) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển.

g) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển thực hiện các quy định về quản lý chất thải và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển.

h) Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét và gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình bảo vệ môi trường biển; việc thực hiện các chương trình, kế hoạch phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm biển, ứng phó khắc phục sự cố môi trường, thiên tai trên biển trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở, Ban, Ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường, xác định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển; chỉ đạo các lực lượng chuyên môn tham gia kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển; báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm biển, ứng phó khắc phục sự cố môi trường, thiên tai và bảo vệ môi trường biển trong lĩnh vực được giao quản lý gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham

muu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu trong hoạt động khai thác, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản; cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền.

b) Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý hàng hải chuyên ngành Giao thông vận tải (*thuộc Bộ Giao thông vận tải*) cung cấp các thông tin, số liệu trong hoạt động của cảng biển, luồng hàng hải, khu neo đậu và các cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển.

c) Sở Công Thương chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu đối với khu kinh tế ven biển.

đ) Sở Xây dựng chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu đối với khu đô thị, công trình xây dựng ven biển.

e) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu đối với các khu và điểm văn hóa, thể thao, du lịch biển, ven biển.

g) Sở Ngoại vụ chịu trách nhiệm liên hệ Bộ Ngoại giao hỗ trợ huy động trợ giúp của quốc tế cho việc ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên vùng biển của tỉnh khi có sự cố tràn dầu.

h) Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các lực lượng chức năng trực thuộc phối hợp tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường biển; huy động lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên các vùng biển.

i) Công an tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các lực lượng chức năng trực thuộc tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường biển; huy động lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố môi trường vùng ven biển.

k) Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, thiên tai trên biển; chỉ đạo theo thẩm quyền các lực lượng chuyên trách thực hiện ứng phó sự cố tràn dầu, thiên tai trên biển.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển chịu trách nhiệm:

a) Cung cấp số liệu quan trắc môi trường biển của huyện, thành phố ven biển.

b) Phối hợp trong việc điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xác định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xác định vùng biển bị ô nhiễm nghiêm trọng thuộc phạm vi quản lý của huyện, thành phố ven biển.

d) Xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, xử lý và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường biển theo quy định của pháp luật.

đ) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, Ban, Ngành, đơn vị có liên quan huy động các nguồn lực để ngăn chặn, ứng phó các sự cố môi trường biển; giải quyết việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường biển theo quy định của pháp luật.

e) Báo cáo định kỳ hàng năm về công tác quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó, khắc phục các sự cố môi trường, thiên tai biển; tình hình và dự báo xu thế biến động bờ biển thuộc phạm vi quản lý gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển.

b) Hỗ trợ, trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu cho các Sở, Ban, Ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển phối hợp trong công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển.

c) Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các sự kiện của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam (từ ngày 01 tháng 6 đến ngày 08 tháng 6 hàng năm).

d) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.

2. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ sở dữ liệu về pháp luật có liên quan đến quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; xây dựng chương trình, kế hoạch dài hạn, trung hạn về phổ biến, giáo dục pháp luật về biển.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan báo chí bố trí thời lượng đưa tin, bài tuyên truyền pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lựa chọn các chủ đề về biển để tổ chức tuyên truyền chính sách, pháp luật thông qua các buổi diễn thuyết, nói chuyện chuyên đề, các cuộc thi tìm hiểu về biển, trao thưởng cho các đối tượng học sinh, sinh viên.

5. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và Báo Bạc Liêu chịu trách nhiệm bố trí thời lượng phát sóng, đưa tin, bài, chuyên mục tuyên truyền về chính sách, pháp

luật trong lĩnh vực tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; các sự kiện văn hóa của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam vào thời điểm đạt hiệu quả tuyên truyền cao.

6. Các Sở, Ban, Ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm hưởng ứng các sự kiện của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực biển; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trong phạm vi quản lý.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển chịu trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn huyện, thành phố ven biển.

b) Chỉ đạo cơ quan báo chí trên địa bàn bố trí thời lượng phát sóng, đưa tin, bài, chuyên mục tuyên truyền về chính sách, pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; các sự kiện văn hóa của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam vào thời điểm đạt hiệu quả tuyên truyền cao.

Điều 10. Hợp tác quốc tế về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế để quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ công tác điều tra, nghiên cứu biển; thăm dò tài nguyên, phát triển khoa học công nghệ biển; phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển.

b) Tổng hợp các hoạt động hợp tác quốc tế về biển để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các Sở, Ban, Ngành, các cơ quan, tổ chức khác chịu trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm về kết quả và nhu cầu hợp tác quốc tế về biển gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) theo quy định sau đây:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm báo cáo về kết quả và nhu cầu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản; khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản và sản xuất muối biển; phát triển và bảo vệ hệ thống rừng ngập mặn, các công trình đê, kè biển.

b) Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý hàng hải chuyên ngành Giao thông vận tải (*thuộc Bộ Giao thông vận tải*) báo cáo về kết quả và nhu cầu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hàng hải.

c) Sở Công Thương chịu trách nhiệm báo cáo về kết quả và nhu cầu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí, khoáng sản.

d) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm báo cáo về kết quả và nhu cầu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn di sản biển, hoạt động du lịch biển và các lĩnh vực khác có liên quan.

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm báo cáo về kết quả và nhu cầu hợp tác quốc tế trong phát triển các khu kinh tế biển, ven biển.

e) Sở Xây dựng chịu trách nhiệm báo cáo về kết quả và nhu cầu hợp tác quốc tế trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng biển, ven biển; quy hoạch phát triển các đô thị ven biển.

g) Sở Ngoại vụ chịu trách nhiệm phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển tăng cường hỗ trợ quảng bá, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

h) Các cơ quan, tổ chức khác chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển bằng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước có trách nhiệm báo cáo kết quả và nhu cầu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển do mình thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển chịu trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình hợp tác quốc tế trong lĩnh vực biển thuộc phạm vi quản lý gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Các Sở, Ban, Ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, lực lượng trực thuộc phối hợp thực hiện những nội dung có liên quan được quy định trong Quy chế; đồng thời, cử cơ quan đầu mối phối hợp và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Chi cục Biển là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ phối hợp quy định tại Quy chế này.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, Ban, Ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển chịu trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy chế này; đồng thời, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy chế.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh vấn đề mới cần sửa đổi, bổ sung thì đề nghị các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển và các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về

Sở Tài nguyên và Môi trường đề tổng hợp, nghiên cứu và tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thanh Dũng